

Số: 86/2024/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118, 119 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1025/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Ông **Đỗ Ngọc L**, sinh năm 1972. Địa chỉ mới: 1219/28 H (số cũ là 6 B), Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973. Địa chỉ mới: 1219/28 H (số cũ là 6 B), Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 141, quyền số 01/1999 đăng ký ngày 08/12/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Đỗ Ngọc L và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Ngọc L và Bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Đỗ Ngọc Vân A, sinh ngày 30/4/2001; Đỗ Đức B, sinh ngày 01/6/2003; Đỗ Hoàng L1, sinh ngày 03/8/2017. Con chung là Đỗ Ngọc Vân A và Đỗ Đức B đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Đỗ Hoàng L1 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Ông L và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L và bà T khai không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Đỗ Ngọc L và bà Nguyễn Thị T chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Ngọc L và bà Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Ngọc L và Bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung là Đỗ Ngọc Vân A, sinh ngày 30/4/2001; Đỗ Đức B, sinh ngày 01/6/2003; Đỗ Hoàng L1, sinh ngày 03/8/2017. Con chung là Đỗ Ngọc Vân A và Đỗ Đức B đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Đỗ Hoàng L1 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Đỗ Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

- Về tài sản chung: Ông L và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông L và bà T khai không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Ông Đỗ Ngọc L và bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Đỗ Ngọc L và bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số AA/2023/0024167 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND Phường A1, Quận F, TP.HCM (Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 141, quyền số 01/1999 đăng ký ngày 08/12/1999);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bành Kim Phụng